|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ II**  **MÔN: SINH HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**  **NĂM HỌC 2024– 2025** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Đơn vị KT** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Dạng thức** | | |
| **NLC** | **Đ/S** | **TLN** |
| ***Chu kỳ tế bào*** | Quá trình phân bào | **Nhận biết**  - Kể tên được các kỳ của quá trình giảm phân.  - Chỉ ra được đặc điểm của NST ở các kỳ của quá trình giảm phân.  - Chỉ ra được ý nghĩa của quá trình giảm phân đối với sinh vật.  **Thông hiểu**  - Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể để giải thích được quá trình giảm phân.  - Trình bày được một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình giảm phân.  - Lập được bảng so sánh quá trình nguyên phân và quá trình giảm phân.  **Vận dụng**  - Giải thích được quá trình giảm phân; nguyên phân là cơ chế sinh sản của tế bào, cùng với giảm phân, thụ tinh là cơ sở của sinh sản hữu tính ở sinh vật.  - Vận dụng kiến thức về nguyên phân và giảm phân vào giải thích một số vấn đề trong thực tiễn.  **-** Xác định được số cromatit, số NST kép, số tâm động qua các kỳ của nguyên phân và giảm phân. | - 1NT1  - 1NT2- 5 |  | - 2NT1  - 1TH1-1  - 1NT4  - 2VD-2 |
| ***Vi sinh vật và ứng dụng*** | Khái quát về vi sinh vật | **Nhận biết**  **-** Nêu được khái niệm vi sinh vật.  - Kể tên được các nhóm vi sinh vật.  - Kể tên một số phương pháp nghiên cứu vi sinh vật.  **Thông hiểu**  - Phân biệt các kiểu dinh dưỡng ở vi sinh vật.  - Trình bày một số phương pháp nghiên cứu vi sinh vật.  - Nêu các kiểu ứng dụng của vi sinh trong thực tiễn. | - 2NT1  - 1NT2-5 | - 2NT1  - 1NT2-5  - 1 (TH1-2, VD2) |  |
| Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật | **Nhận biết**  - Nêu được một số ví dụ về quá trình tổng hợp và phân giải các chất ở vi sinh vật.  - Nêu đặc điểm chung của quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật.  **Thông hiểu**  - Trình bày vai trò của vi sinh vật đối với đời sống tự nhiên và đời sống con người thông qua tổng hợp và phân giải các chất.  - Phân biệt các hình thức lên men.  **Vận dụng**  - Vận dụng quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật để giải thích được cơ sở của việc ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn.  - Đề xuất được một số biện pháp ứng dụng vi sinh vật để giải quyết một số vấn đề thực tiễn như xử lí ô nhiễm môi trường, sản xuất các chế phẩm sinh học…  - Phân tích vai trò của vi sinh vật trong đời sống con người và tự nhiên. | - 2NT1  - 2NT2-5  - 1VD 2 | - 2NT1  - 1NT2-5  - 1 (TH1-2, VD2) |  |
| ***Sinh sản ở sinh vật*** | Sinh trưởng và sinh sản ở vi sinh vật | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm sinh trưởng ở vi sinh vật.  **Thông hiểu**  - Trình bày được đặc điểm các pha sinh trưởng của quần thể vi khuẩn.  - Phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật nhân sơ và sinh vật nhân thực.  - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của vi sinh vật.  - Trình bày được ý nghĩa của việc sử dụng thuốc kháng sinh để ức chế hoặc tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh.  **Vận dụng**  - Tìm các ví dụ về sử dụng các yếu tố vật lý để tiêu diệt hoặc ức chế vi sinh vật trong bảo quản thức ăn.  - Đề xuất được các biện pháp diệt khuẩn trong gia đình, trường học  - Đề xuất được các biện pháp sử dụng thuốc kháng sinh hợp lý cho bản thân và gia đình.  - Giải thích được tác hại của việc lạm dụng thuốc kháng sinh trong chữa bệnh cho người và động vật. | - 3NT1  1NT2-5 | - 2NT1  - 1NT2-5  - 1 (TH1-2, VD2) |  |
| Công nghệ vi sinh vật | **Nhận biết**  **-** Nêu được khái niệm công nghệ vi sinh vật  - Kể tên được một số thành tựu hiện đại của công nghệ vi sinh vật.  - Kể tên được một số ngành nghề liên quan đến công nghệ vi sinh vật và triển vọng phát triển của ngành nghề đó.  **Thông hiểu**  - Trình bày cơ sở khoa học của công nghệ vi sinh vật.  **Vận dụng**  - Phân tích triển vọng công nghệ vi sinh vật trong tương lai.  - Đề xuất một ý tưởng ứng dụng công nghệ vi sinh vật trong tương lai có thể đem lại hiệu quả cao và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. | - 2NT1  - 1NT2-5 - 1VD 2 | - 2NT1  - 1NT2-5  - 1 (TH1-2, VD2)) |  |
|  |  | **Tổng câu** | **18** | **4 (16 ý)** | **6** |